BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 16: Từ 06/05 Đến 12/05/2024

LỚP			12B1.10	12B1.11	12B1.12	12B1.1	12B1.13	12B1.14	12B1.15	12B1.2	12B1.3	12B1.4	12B1.5	12B1.6	12B1.7	12B1.8	12B1.9	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 06/05	Sáng	1		Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.204)	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.407)		Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.201)	Toán TN Kim Thành Nam (H5.402)			Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)			Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.401)		Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)		Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Lý thuyết mạch Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)			Phần mềm mã nguồn mở Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)				Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)
		2																												
		3		Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)		Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)			ToánTN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)						Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.401)														
		4			Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.204)			Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)					Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.203)																	
		5																												
	Chiều	6										Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.402)																		
		7	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.104)				Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)				Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.403)			Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)		Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.407)	Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Tiếng anh nâng cao Hà Ngọc Tân (H3.101)		Tiếng Anh chuyên ngành Phan Việt Hà (H3.103)	Lý thuyết mạch Hoàng Quyết Tiến (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)				Tiếng anh nâng cao Triệu Văn Dũng (H3.105)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)		
		8																												
		9	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.104)				Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)				Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Địa TN Dương Thị Hồng (H5.402)		Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.406)	Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)		Sử TN Lê Thị Quyên (H5.407)													
		10																												
Thứ 3 07/05	Sáng	1		Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Địa TN Không Thị An Giang (H5.204)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)		Toán TN Kim Thành Nam (H5.402)			Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	Sử TN Lưu Thị Thuỷ (H5.201)		Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.401)	Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)	Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)		Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Lý thuyết mạch Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)				Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)		Ktra: Hệ thống máy lạnh dân dụng-1-2-2023(N01) (...)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)
		2																												
		3		Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.204)	Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.407)							Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.201)		Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.401)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)													
		4								Sử TN Lưu Thuỷ (H5.402)																				
		5																												
	Chiều	6																Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Tiếng anh nâng cao Hà Ngọc Tân (H3.101)							Tiếng anh nâng cao Triệu Văn Dũng (H3.105)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)		
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 4 08/05	Sáng	1	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)			Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.203)		Sinh học TN Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Toán TN Kim Thành Nam (H5.402)		Sử TN Lê Thị Quyên (H5.204)				Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.401)	Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)	Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)		Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Lý thuyết mạch Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)			Phần mềm mã nguồn mở Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)			Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)
		2																												
		3	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.302)	Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)																										
		4				Địa TN Dương Thị Hồng (H5.407)	Sử TN Lê Thị Quyên (H5.203)		ToánTN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)		Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)				Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.401)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)													
		5																												
	Chiều	6																	Tiếng anh nâng cao Hà Ngọc Tân (H3.101)		Tiếng Anh chuyên ngành Phan Việt Hà (H3.103)	Lý thuyết mạch Hoàng Quyết Tiến (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)			Ktra: SQL Server-1-2-2023(N01) Lê Hoàng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)		
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP			12B1.10	12B1.11	12B1.12	12B1.1	12B1.13	12B1.14	12B1.15	12B1.2	12B1.3	12B1.4	12B1.5	12B1.6	12B1.7	12B1.8	12B1.9	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 09/05	Sáng	1	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)				Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Văn TN Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.204)		Địa TN Khổng Thị An Giang (H5.201)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Địa TN Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.401)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)		Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Lý thuyết mạch Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)			Phần mềm mã nguồn mở Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)				Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)
		2																												
		3	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.302)			Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.407)					Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)			Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.401)	Địa TN Không Thị An Giang (H5.202)												
		4					Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.203)					Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)																		
		5																												
	Chiều	6																	Tiếng anh nâng cao Hà Ngọc Tân (H3.101)		Tiếng Anh chuyên ngành Phan Việt Hà (H3.103)						Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)		
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 6 10/05	Sáng	1																												
		2																Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)		Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh ()		Lý thuyết mạch Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)			Phần mềm mã nguồn mở Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)				Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6		Sử TN Lê Thị Quyên (H5.101)	Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.103)		Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	Vật lý TN Phạm Thanh Mai (H5.406)	Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.104)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.402)	Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)		Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)				Tiếng anh nâng cao Hà Ngọc Tân (H3.101)		Tiếng Anh chuyên ngành Phan Việt Hà (H3.103)						Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)		
		7																												
		8		Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Địa TN Dương Thị Hồng (H5.401)		Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.406)		Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Văn TN Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.102)																		
		9			Địa TN Không Thị An Giang (H5.103)			Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.407)		Toán TN Kim Thành Nam (H5.104)			Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.102)		Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)															
		10																												
Thứ 7 11/05	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6			Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.402)			Địa TN Dương Thị Hồng (H5.407)			Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)		Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.406)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.404)															
		7	Địa TN Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.102)						Hóa học_TNTHPT Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)																					
		8			Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)			Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)			Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.403)		Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Sử TN Lê Thị Quyên (H5.404)															
		9	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.102)						Sinh học TN Nguyễn Thị Hợp (H5.101)																					
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 16: Từ 06/05 Đến 12/05/2024

LỚP			62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 06/05	Sáng	1	Phay CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)	Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)	Ktra: Quản trị mạng với Windows server-1-2-2023(N01) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyển (H5.101)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyển (H5.101)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)								Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)		Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)				Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	
		2						Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)																					
		3						Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)								Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyển (H5.304)		Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyển (H5.304)				Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	
		4																		Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)			Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)				Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	
		5																												
	Chiều	6																												
		7			Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)		Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()		Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)		Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)			Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tỉnh ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)		Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)				Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 3 07/05	Sáng	1	Phay CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)	Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)	Ktra: Photoshop-1-2-2023(N01) Lê Sơn Thảo (H3.209.TH Tin học)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)				Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)								Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	
		2						Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)										Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)				Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)						Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	
		3						Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)									Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)					
		4						Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.101)	Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.101)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)								Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)				Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	
		5																												
	Chiều	6			Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)		Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()		Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)		Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Trang bị điện Trần Văn Kiên ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tỉnh ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)		Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến ()	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()		Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 4 08/05	Sáng	1	Phay CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)	Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)		Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)								Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.102)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.102)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.404)	
		2						Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)										Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)					
		3						Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)									Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)					Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)
		4						Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.101)										Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.102)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.102)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)					
		5								Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)				Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)						Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung	
	Chiều	6			Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)		Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Trang bị điện Lô Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)		Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)			Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()			Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)		Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)				Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP			62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 09/05	Sáng	1	Phay CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)	Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)		Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)								Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.102)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)		Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.102)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)				Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	
		2																												
		3						Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)								Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.102)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.102)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)				Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	
		4						Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)										Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)				Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)					
		5						Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ ()	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ ()	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)																			
	Chiều	6			Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)		Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Trang bị điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)		Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Trang bị điện Trần Văn Kiên ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()				Hệ thống máy lạnh công nghiệp Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Tiến Nghĩa ()	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến ()	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()		Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 6 10/05	Sáng	1	Phay CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)					HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.101)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.101)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.403)								HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Hàn hồ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6			Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)			Trang bị điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)		Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Trang bị điện Trần Văn Kiên ()	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()						Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Tiến Nghĩa ()	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Lập trình C cho vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến ()	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()	Máy điện Lê Trung Thịnh ()		Hàn hồ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 11/05	Sáng	1						HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.101)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.101)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.403)								HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Tiến Nghĩa ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến ()	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()	Máy điện Lê Trung Thịnh ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Hàn hồ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6											Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()							Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Tiến Nghĩa ()				Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến ()	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()	Máy điện Lê Trung Thịnh ()		Hàn hồ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 16: Từ 06/05 Đến 12/05/2024

LỚP			62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 06/05	Sáng	1		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.104)					Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)						Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.205)
		2				Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)							Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)											
		3		Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.103)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.103)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.106)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.106)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)								Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.205)
		4				Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)			Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)					Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)					Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)									
		5		Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)																									
	Chiều	6			Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)																									
		7							Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Đình Hiên (Bài TH_Khoa Cơ giới)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Quách Hữu Việt (Bài tập TH2_Khoa Cơ giới)				Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)	Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)		Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)			Tin học Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học Quách Thu Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Máy và dụng cụ cắt Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 3 07/05	Sáng	1		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)				Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.106)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.107)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.106)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.107)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Tin học Lê Xuân Chung (H3.111_TH THCB)		Tin học Quách Thu Thảo (H3.110_TH THCB)			
		2			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.103)												Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)														
		3		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hóa (H5.104)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hóa (H5.104)			Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.106)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.106)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.107)								
		4				Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)		Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)									
		5				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)			Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)			Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)						Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)											
	Chiều	6			Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)																									
		7							Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Đình Hiên (Bài TH_Khoa Cơ giới)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Quách Hữu Việt (Bài tập TH2_Khoa Cơ giới)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Ngọc Dũng ()	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)	Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Bảng tính điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Thị Hường ()		Tin học Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học Quách Thu Thảo (H3.111_TH THCB)	Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Máy và dụng cụ cắt Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.205)
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 4 08/05	Sáng	1		Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.404)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Tin học Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Tin học Quách Thu Thảo (H3.110_TH THCB)		Vật lý ứng dụng Đặng Đình Hiên ()	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.205)
		2							Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)				Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)		Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)								
		3		Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.103)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.103)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hóa (H5.104)			Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hóa (H5.104)				Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)				Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)								
		4		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.103)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.103)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.107)		Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.107)								
		5							Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)					Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung					Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)									
	Chiều	6			Marketing Nguyễn Hồng Hạnh (H3.205)					Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP-KT)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)			Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)		SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Bảng tính điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)				Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học Quách Thu Thảo (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Máy và dụng cụ cắt Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP			62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 09/05	Sáng	1		Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.104)			Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.104)			Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.307)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)... Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)... Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.307)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)			Tin học Quách Thu Thảo (H3.110_TH THCB)		Vật lý ứng dụng Đặng Đình Hiên (X10.101_PHLT Khoa CK)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.205)
		2																												
		3		Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.103)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.103)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)			Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)...	Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.106)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)...	Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.106)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)							
		4												Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.106)			Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.106)								
		5		Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.103)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.103)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)					Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)				Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)							Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)								
	Chiều	6																												
		7								Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP-KT)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)	Tin học văn phòng Tạ Văn Khoa ()	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Ngọc Dũng ()	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)	Ktra: SQL Server-1-2-2023(N05) Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỘI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Ktra: Văn bản pháp qui-1-2-2023(N02) Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Thị Hường ()		Tin học Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Máy và dụng cụ cắt Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)
		8			Marketing Nguyễn Hồng Hạnh (H3.205)	Tiếng anh chuyên ngành Trần Việt Anh (H3.207_Khoa SP-KT)																								
		9																												
		10																												
Thứ 6 10/05	Sáng	1	Tách: Hàn TIG-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn TIG-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.106)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.107)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.106)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.107)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Quách Thu Thảo (H3.110_TH THCB)	Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Tách: Hàn TIG-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn TIG-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)			Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh (H3.106)				Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP-KT)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)	Tin học văn phòng Tạ Văn Khoa ()	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Ngọc Dũng ()	Ktra: Thiết kế mạng LAN-1-2-2023(N03) Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)		Ktra: Thiết kế mạng LAN-1-2-2023(N05) Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỘI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)						Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Thị Hường ()		Tin học Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)						Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 11/05	Sáng	1	Tách: Hàn TIG-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn TIG-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.106)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.107)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.106)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.107)								
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Tách: Hàn TIG-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn TIG-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)									Tin học văn phòng Tạ Văn Khoa ()	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Hoàng Tùng ()																	
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 16: Từ 06/05 Đến 12/05/2024

LỚP			63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63ĐC1	63ĐC1A	63ĐC2	63ĐC3	63ĐC4_YL	63ĐC5_YL	63ĐC6_YL	63ĐC7_YL	63ĐC8_BX	63ĐC9_BX	63ĐH1_YL	63ĐH2_YL	63ĐL1	63ĐL1A	63ĐL2	63ĐT1	63ĐT2	63ĐT3_VT	63ĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 06/05	Sáng	1	Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)	Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)		Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Đo lường điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Đo lường điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)								Đo lường Nguyễn Việt Cường (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật hàn Lê Trung Thịnh (H6.101)	Vật liệu Lê Đức Quảng (H3.105)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thúy (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)			Máy và dụng cụ cắt Chu Mạnh Hùng (X10.101_PHLT Khoa CK)	Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Cơ kĩ thuật Nguyễn Ngọc Mạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Quản lý thiết bị Trần Huy Quảng (H3.208_Khoa SP-KT)		Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Vật lý và hóa học ứng dụng Hà Thanh Sơn (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)		Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Đo lường điện Lỗ Văn Ba ()	Đo lường điện Nguyễn Anh Đức ()	Vẽ điện Nguyễn Trung Tuệ ()	Vẽ điện Đoàn Mạnh Hà ()												Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)			
		7																												
		8						Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)		Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)															Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)			
		9						Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)															Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)			
		10																												
Thứ 3 07/05	Sáng	1		Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)		Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Đo lường điện Ng Hồng Thao ()	Đo lường điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)									Đo lường Nguyễn Việt Cường (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật hàn Lê Trung Thịnh (H6.101)	Vật liệu Lê Đức Quảng (H3.105)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thúy (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)			Máy và dụng cụ cắt Chu Mạnh Hùng (X10.101_PHLT Khoa CK)	Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Cơ kĩ thuật Nguyễn Ngọc Mạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.208_Khoa SP-KT)		Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.203)			Vẽ điện Nguyễn Trung Tuệ ()	Vẽ điện Đoàn Mạnh Hà ()	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu ()	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu ()										HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)			
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 4 08/05	Sáng	1		Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)		Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Đo lường điện Ng Hồng Thao ()	Đo lường điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)									Đo lường Nguyễn Việt Cường (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật hàn Lê Trung Thịnh (H6.101)	Vật liệu Lê Đức Quảng (H3.105)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thúy (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)			Máy và dụng cụ cắt Chu Mạnh Hùng (X10.101_PHLT Khoa CK)	Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Cơ kĩ thuật Nguyễn Ngọc Mạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Quản lý thiết bị Trần Huy Quảng (H3.106)		Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)	Vẽ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.203)			Vẽ điện Nguyễn Trung Tuệ ()	Vẽ điện Đoàn Mạnh Hà ()			Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh ()	Khí cụ điện Phạm Quang Thắng ()								HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)			
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP			63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63ĐC1	63ĐC1A	63ĐC2	63ĐC3	63ĐC4_YL	63ĐC5_YL	63ĐC6_YL	63ĐC7_YL	63ĐC8_BX	63ĐC9_BX	63ĐH1_YL	63ĐH2_YL	63ĐL1	63ĐL1A	63ĐL2	63ĐT1	63ĐT2	63ĐT3_VT	63ĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 09/05	Sáng	1			Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Đo lường điện Ng Hồng Thao ()	Đo lường điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)									Đo lường Nguyễn Việt Cường (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật hàn Lê Trung Thịnh (H6.101)	Vật liệu Lê Đức Quảng (H3.105)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thúy (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)				Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Quản lý thiết bị Trần Huy Quảng (H3.106)	Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)			Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Vẽ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)							Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh ()	Khí cụ điện Phạm Quang Thắng ()						Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N03) Dương Thanh Huệ (...) Kỹ thuật điện-1-2-2023(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Tách: Trang bị điện-1-2-2023(N06) Nguyễn Văn Bảy (...) Trang bị điện-1-2-2023(N07) Nguyễn Việt Cường (...)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)			
		7						Cụm chuyên đề Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)																Cụm chuyên đề Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				
		8						Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)																			Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)			
		9						Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)																			Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)			
		10																												
Thứ 6 10/05	Sáng	1		Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)				Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)			Đo lường điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)									Đo lường Nguyễn Việt Cường (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật hàn Lê Trung Thịnh (H6.101)		Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thúy (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)							Tách: Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N01) Đỗ Anh Tuấn (...) Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N02) Vũ Minh Cường (...)
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Quản lý thiết bị Trần Huy Quảng (H3.207_Khoa SP-KT)	Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)	Vẽ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)				Khí cụ điện Phan Thị Lý ()		Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh ()	Khí cụ điện Phạm Quang Thắng ()						Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N03) Dương Thanh Huệ (...) Kỹ thuật điện-1-2-2023(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Tách: Trang bị điện-1-2-2023(N06) Nguyễn Văn Bảy (...) Trang bị điện-1-2-2023(N07) Nguyễn Việt Cường (...)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)			Tách: Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N01) Đỗ Anh Tuấn (...) Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N02) Vũ Minh Cường (...)
		7																												
		8						Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)																Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)			
		9								Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)																		
		10						Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)																Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)			
Thứ 7 11/05	Sáng	1																												
		2																							Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N03) Dương Thanh Huệ (...) Kỹ thuật điện-1-2-2023(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Tách: Trang bị điện-1-2-2023(N06) Nguyễn Văn Bảy (...) Trang bị điện-1-2-2023(N07) Nguyễn Việt Cường (...)				Tách: Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N01) Đỗ Anh Tuấn (...) Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N02) Vũ Minh Cường (...)
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6						Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)		Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)				Khí cụ điện Phan Thị Lý ()		Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh ()	Khí cụ điện Phạm Quang Thắng ()								Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)			Tách: Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N01) Đỗ Anh Tuấn (...) Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N02) Vũ Minh Cường (...)
		7						Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)																			Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)			
		8								Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)																		
		9						Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)																Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)			
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 16: Từ 06/05 Đến 12/05/2024

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 2 06/05	Sáng	1		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)				LĐ	Mạng máy tính Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)					Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Ktra: Hệ quản trị CSDL Access-1-2-2023(N08) Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)			Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.104)	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.106)			Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2023(N12) Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H5.302)		
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)				Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)				VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.301)		VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.301)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)			Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)
		7							Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)															Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thuý Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thuý Ngọc (H5.204)	
		8	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.202)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.202)								Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thuý Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thuý Ngọc (H5.201)			Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.307)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)
		9							Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)				Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)		Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.204)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.204)	
		10		Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)																						
Thứ 3 07/05	Sáng	1	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.205)		Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)					Mạng máy tính Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)					Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Mạng máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.211_TH Tin Đại cương)				Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.101)	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.106)			Ktra: Mạng máy tính-1-2-2023(N12) Phùng Ngọc Hùng (H3.204.TH KHOA TIN)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.207_Khoa SP-KT)	Ktra: Hệ quản trị CSDL Access-1-2-2023(N14) Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.202)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	LĐ	Cơ sở dữ liệu Lê Hoàng ()		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Mạng máy tính Lê Sơn Thảo ()	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 4 08/05	Sáng	1		Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N27) (TV_THI TN01)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)				Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)				Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)				Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)									Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)	Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.106)	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.207_Khoa SP-KT)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.202)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2023(N02) Nguyễn Thị Hường (H2.302_TH QTM)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.201)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 09/05	Sáng	1		Nguyễn lý kế toán Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.106)				Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)				Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)		Ktra: Mạng máy tính-1-2-2023(N07) Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)	Mạng máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)					Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.101)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.207_Khoa SP-KT)	Ktra: Mạng máy tính-1-2-2023(N13) Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2023(N14) Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)	
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)			Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn ()	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Ktra: Hệ quản trị CSDL Access-1-2-2023(N01) Quách Thu Thảo (H3.111_TH THCB)	Cơ sở dữ liệu Lê Hoàng ()		Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Mạng máy tính Lê Son Thảo ()	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương ()	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		7																							Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	
		8	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)				Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)				Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.301)		Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)			Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)			Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)
		9	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)			Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		10																									
Thứ 6 10/05	Sáng	1		Nguyễn lý kế toán Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.106)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()		Ktra: Hệ quản trị CSDL Access-1-2-2023(N03) Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Mạng máy tính Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)			Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)		Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Mạng máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Ktra: Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-2-2023(N10) Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)					Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.101)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.105)		Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.205)	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.207_Khoa SP-KT)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.303)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)			Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn ()	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)		Cơ sở dữ liệu Lê Hoàng ()	An toàn và môi trường Phùng Thị Minh Phương ()	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Son Thảo ()	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.303)
		7																		Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.306)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)
		8	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()		VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.306)				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)		Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	
		9		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)								Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.301)		Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.301)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)										
		10	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)															Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)			Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
Thứ 7 11/05	Sáng	1				Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()																				
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)			Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		7	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam ()													Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)				Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam ()
		8		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()		Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)			Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	
		9	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)				Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)			Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		10																									